

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 243/2023/DS-PT
Ngày: 07 - 8 - 2023
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Lâm Thị Bé S, sinh năm: 1954 (Có mặt).

2. Ông Ngô Văn T, sinh năm: 1954 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C ..

Bị đơn: Ông Lâm Minh L, sinh năm: 1952 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C ..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Ngô Văn T và bà Lâm Thị Bé S trình bày: Gia đình ông bà có phần đất tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, được UBND huyện Cái Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/02/1995, tờ số bản đồ 06

tại thửa 0035 diện tích 2.680m² và thửa số 0037 diện tích 12.000m², gia đình ông bà đã sử dụng đất từ năm 1995 đến nay. Phần đất của gia đình ông bà giáp ranh với ông Lâm Minh L ở phía Nam, trước đây ông bà và ông L có thống nhất cắm trụ đá để xác định ranh, phần ranh này được xác định thẳng từ hậu đất đến vườn nhà ông L, từ phần vườn nhà ông L đến lộ bê tông do lấy thẳng ranh thấy gần nhà ông L nên ông bà để lại cho ông L một khoảng, khoảng đất này diện tích hơn 140m² chiều dài 70m, chiều rộng 02m, tiếp giáp với đường lấy nước vào vuông tôm ông bà. Sau đó gia đình ông L xả phân heo xuống đường nước, ngoài ra ông L còn trồng cây xanh đâm nhánh qua làm rụng rất nhiều lá, gia đình ông L quét lá và rác tràn xuống đường lấy nước của gia đình ông bà, làm ô nhiễm nước vuông nghiêm trọng. Mỗi tháng gia đình ông bà thả 50 nghìn con tôm giống và 05 nghìn con cua giống nhưng kể từ khi gia đình ông L xả thải thì tôm và cua của gia đình ông bà chết liên tục không thu hoạch được gây thiệt hại cho gia đình ông bà tổng cộng tiền con giống là 16.000.000 đồng. Nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả lại phần đất chiều dài 70m, chiều rộng 02m, diện tích 140m², yêu cầu gia đình ông L ngừng việc xả thải, rác, phân heo xuống đường nước của gia đình ông và phải bồi thường thiệt hại cho gia đình ông số tiền 16.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Ngô Văn T và bà Lâm Thị Bé S xác định chỉ yêu cầu buộc ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N trả lại phần đất theo đo đạc thực tế là 111,7m². Ông bà rút lại yêu cầu buộc gia đình ông L ngừng việc xả thải, rác, phân heo xuống đường nước và bồi thường thiệt hại số tiền 16.000.000 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 23/9/2020 ông Lâm Minh L trình bày: Gia đình ông có nuôi heo nhưng chỉ có 01 con chứ không nuôi nhiều. Sau khi gia đình ông T phản ánh thì Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng có đến lập biên bản. Hiện nay ông đã bán heo không còn nuôi nữa, phần cây xanh và rác thì ông sẽ dọn bớt phần cành cây giáp với đất ông T và rào lưới lại không để cho lá cây rụng và rác rơi xuống đường nước của gia đình ông T. Còn phần đất chiều ngang 02m, chiều dài 70m ông xác định là đất của ông được vợ chồng ông T cho lại nên ông không đồng ý yêu cầu của vợ chồng ông T, bà S.

Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà thống nhất với nội dung trình bày của ông Lâm Minh L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã quyết định: Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự; Các Điều 166, 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc gia đình ông L ngừng việc xả thải, rác, phân heo xuống đường nước và bồi thường thiệt hại số tiền 16.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T, bà Lâm Thị Bé S đối với ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N trả cho ông Ngô Văn T và bà Lâm Thị Bé S phần đất có diện tích 111,7m²; đất có tứ cận Phía Bắc giáp phần đất của ông Ngô Văn T cạnh M6M7 dài 69,05m; phía Nam giáp phần đất của ông Lâm Minh L cạnh M6M8 dài 69,64m; phía Tây giáp lộ bê tông cạnh M7M8 dài 3,28m (Kèm theo bản Trích đo hiện trạng).

Buộc ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N trả cho nguyên đơn số tiền 18.499.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng). Đối với số tiền trên, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/4/2023 ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N nộp đơn kháng cáo với nội dung:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T và bà Lâm Thị Bé S, giữ nguyên hiện trạng đất mà ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N đang quản lý, sử dụng. Buộc ông Ngô Văn T và bà Lâm Thị Bé S trả lại cho ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N phần đất ngang 02 mét dài 70 mét như biên bản họp thân tộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa giữa ông L và bà Bé Sáu, ông T đều xác định nội dung giữa hai bên tranh chấp với nhau phần đất giáp ranh có diện tích theo đo đạc thực tế là 111,7m², không có việc bà S và ông T cho đất ông L, cả hai bên tranh chấp với nhau đã lâu chưa được giải quyết, do ông L có xả rác xuống phần đất này ảnh hưởng đến việc nuôi tôm của bà S và ông T nên bà S và ông T khởi kiện yêu cầu ông L ngừng xả rác và trả lại phần đất do ông L lấn chiếm.

Xét kháng cáo của ông L và bà N cho rằng giữa hai bên tranh chấp với nhau phần đất diện tích 111,7m², phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông, do cha mẹ cho, hiện phần đất này nằm dưới kênh. Hai bên phát sinh tranh chấp ông có mời thân

tộc lại xác định ranh giới và cắm mốc, theo biên bản họp thân tộc ngày 02/12/2007 thể hiện nội dung là đúng và cắm ranh theo biên bản. Như vậy chính ông L xác định biên bản họp thân tộc ngày 02/12/2007 là đúng việc thỏa thuận giữa hai bên, có xác định ranh giới và cắm mốc dưới nương. Theo biên bản họp thân tộc có thể hiện rõ nội dung xác định phần đất giữa hai bên cụ thể: “Phần đất vườn của bà Lâm Thị Bé S giáp tư Luân chỉ có kênh còn bờ của tư Luân. Hiện giờ cắm mốc mé nước để làm ranh.” (BL 98), tại phiên Tòa ông L cũng xác định mốc được cắm dưới mé nương nhưng đất của ông là từ mé bờ đo ra nương 02m. Lời trình bày của ông L là mâu thuẫn nhau, chính ông L xác định biên bản họp thân tộc xác định ranh giới là đúng, ông thống nhất với biên bản này và ông cũng xác định trụ đá vẫn còn cạnh mé bờ nhưng tại Tòa ông vẫn cho rằng đo từ mé bờ xuống nương 02m là đất của ông. Chính vì có sự thỏa thuận của các đương sự xác định ranh giới với nhau và đã cắm mốc nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bé Sáu và ông T là có căn cứ.

[2] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L và bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm, như phân tích trên đề nghị này của Viện kiểm sát có căn cứ để chấp nhận.

[3] Ngoài ra cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc xác định nội dung tranh chấp giữa các đương sự cho đúng, phần đất giữa hai bên tranh chấp là tranh chấp ranh giới liền kề, không có tài liệu hoặc lời trình bày nào thể hiện việc bà Bé Sáu và ông T cho đất ông L. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp thì cấp sơ thẩm lại xác định là “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

[4] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông L và bà N phải chịu án phí phúc thẩm. Do là người cao tuổi nên ông L và bà N được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326

[5] Các Quyết định khác không có kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Căn cứ vào: Điều 166 của Bộ luật dân sự; Các Điều 166, 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T, bà Lâm Thị Bé S đối với ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N trả cho ông Ngô Văn T và bà Lâm Thị Bé S phần đất có diện tích 111,7m²; đất có tứ cận Phía Bắc giáp phần đất của ông Ngô Văn T cạnh M6M7 dài 69,05m; phía Nam giáp phần đất của ông Lâm Minh L cạnh M6M8 dài 69,64m; phía Tây giáp lộ bê tông cạnh M7M8 dài 3,28m (Kèm theo bản Trích đo hiện trạng).

Buộc ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N trả cho nguyên đơn số tiền 18.499.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng). Đối với số tiền trên, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng.

Án phí phúc thẩm: Ông Lâm Minh L và bà Nguyễn Thị N được miễn.

Các Quyết định khác không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hà